TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2018
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Tới

Bà Lâm Yến Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thu X**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp RN, xã KBĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị N** (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu X trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016, chị và anh Lê Văn D tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể đoàn tụ được, anh D thường hay ghen tuông vô cớ và có nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm

đối với chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân hơn hai năm nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 01 người con chung tên Nguyễn Thị M, sinh ngày 03/5/2017, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Gồm có 06 chỉ vàng 24K, số vàng này hiện nay do mẹ chồng chị là bà Phan Thị N quản lý. Nay chị yêu cầu chia đôi số vàng trên.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị N: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng các đương sự nêu trên vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D và bà N.

Tại phiên tòa, chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị X và anh D là vợ chồng. Tách phần yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn D và bà Phan Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng các đương sự nêu trên vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D và bà N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu X và anh Lê Văn D chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Tại phiên tòa, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân hơn hai năm nay nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Do chị X và anh D chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật nên hôn nhân giữa chị X và anh D là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị X yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh D nên Tòa án không công nhận chị X và anh D là vợ chồng.

[3] Về con chung và tài sản chung: Theo lời trình bày của chị X thì quá trình chung sống vợ chồng giữa chị X và anh D có với nhau được 01 người con chung tên Nguyễn Thị M, sinh ngày 03/5/2017, hiện đang sống chung với chị X. Khi ly hôn chị X yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung gồm có 06 chỉ vàng 24K, hiện do bà Phan Thị N quản lý, chị X yêu cầu bà N phải trả số vàng trên để vợ chồng chia

đôi. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh D và bà N nhưng anh D, bà N vẫn vắng mặt, không lý do. Đồng thời, Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương đến nơi cư trú của các đương sự tại ấp TT, xã KH, huyện TVT để tiến hành xác minh, lấy lời khai đối với anh D và bà N. Nhưng khi đến nơi cư trú thì nhà của anh D, bà N đã đóng cửa, các đương sự không có ở nhà. Chính quyền địa phương cho biết, anh D và bà N đã đi làm, còn làm ở đâu thì không biết, không rõ thời gian quay về. Mặc khác, tại giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị M do chị X cung cấp cho Tòa án không có thể hiện họ tên cha của cháu M. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp được với anh D, bà N để làm rõ các vấn đề về con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung theo yêu cầu khởi kiện của chị X nên không thể đặt ra xem xét trong cùng vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tách phần yêu cầu khởi kiện của chị X về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung ra thành vụ kiện khác. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì có quyền khởi kiện tại Tòa án thành một vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị X phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thu X và anh Lê Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Tách ra thành vụ kiện khác. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu về con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện tại Tòa án thành một vụ kiện khác.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu X phải chịu 300.000 đồng, ngày 27/4/2018 chị X đã dự nộp 570.000 đồng theo biên lai số 0008080 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, đối trừ. Chị X được nhận lại 270.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, chị X quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã KBĐ, H. Trần Văn Thời;
- UBND xã KH, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang